

HUẾ TRONG NGHÌN NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI

TS Phan Thanh Hải*

1. Từ vùng biên viễn

Huế là trung tâm của vùng đất Thuận Hoá (tên cũ là hai châu Ô - Lý/Rí) trở về với người Việt từ năm 1306, sau cuộc hôn nhân chính trị giữa Công chúa Huyền Trân nhà Trần với vua Chế Mân của Champa. Năm 1307, vua Trần sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài vào tuyên bố đức ý, cắt cử quan chức, vỗ yên dân chúng. Ngay sau đó những lớp người Việt đầu tiên đã theo nhau vào miền đất mới, đến tận bờ bắc sông Thu Bồn của xứ Quảng để mở đất lập nghiệp¹. Nhưng hàng thế kỷ sau Thuận Hoá vẫn là vùng biên viễn, nơi thường xuyên diễn ra các cuộc tranh chấp ác liệt giữa hai quốc gia Champa - Đại Việt, tranh chấp giữa nhà Hậu Trần với quân Minh, giữa quân khởi nghĩa Lê Lợi với quân Minh... Chính vì vậy, trong *Dư địa chí*, Nguyễn Trãi vẫn xem đất Thuận Hoá là “bức phen đệ 5” của Đại Việt.

Sau cuộc Nam chinh quyết định của Lê Thánh Tông năm 1471, biên giới Đại Việt đã được đẩy tới chân núi Đá Bia (Thạch Bi sơn). Toàn bộ vùng đất từ đây ra đến bờ nam sông Thu Bồn đều thuộc về trấn Quảng Nam². Thêm gần một trăm năm nữa trôi qua tính đến khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hoá, năm 1558, miền Thuận - Quảng dù đã được khai phá nhiều nhưng vẫn là vùng đất mới đầy biến động phức tạp. Phức tạp vì thành phần dân cư bao gồm cả những kẻ du thủ du thực, những tội phạm trốn tránh triều đình miền Bắc, những tù binh chiến tranh bị đày ải, những cư dân bản địa bất mãn... Ngay cả xứ Thuận Hoá, dù đã trở về với người Việt từ năm 1306 mà đến giữa thế kỷ XVI, Dương Văn An vẫn gọi đây là đất Ô châu (vốn mang hàm nghĩa là chốn ác địa). Vùng đất mới còn hết sức phức tạp bởi sự khác biệt có khi đến mức đối lập giữa các yếu tố văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt và các dân tộc bản địa. Thêm nữa, vùng đất này mới được thu phục lại từ tay nhà Mạc, nên lòng người vẫn chưa quy phục. Còn ở bên kia đèo Hải Vân, đất Quảng Nam lại càng là vùng đất mới, sự quản lý của chính quyền nhà Lê đối với vùng đất này vốn đã khá lơ lửng, đến thời Lê Trung Hưng, sau khi giành lại từ tay họ Mạc, việc quản lý lại càng lơ lửng hơn.

Chính vì vậy, dù biết rằng Thuận Quảng là trọng trấn phía nam của đất nước nhưng trong con mắt chính quyền Lê Trịnh hồi đó, đây vẫn là một miền đất đầy bí hiểm, luôn

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế.

chất chứa các mối hiểm nguy đáng quan ngại. Vì lý do này, Trịnh Kiểm đã tìm cách đẩy Nguyễn Hoàng, đối thủ chính trị lớn nhất của ông vào trấn thủ vùng "Ô châu ác địa". Tuy nhiên, Trịnh Kiểm đã tính nhầm. Li Tana nhận xét: "Trịnh Kiểm chỉ có ý tống khứ một địch thủ. Nhưng ông đã đi sai nước cờ. Và thay vì tống khứ, ông lại cho không Nguyễn Hoàng một vương quốc"³.

2. Đền đầu não của Đàng Trong

Từ một vùng biên viễn, Huế đã trở thành một trung tâm mới ở phía nam đất nước, và việc xuất hiện trung tâm Phú Xuân - Huế gắn liền với sự phát triển của dòng họ Nguyễn.

Tháng 10 năm Mậu Ngọ (1558), Đoan quận công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hoá, khởi đầu đóng dinh ở xã Ái Tử, huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong. Cùng đi với ông có cả đoàn tùy tùng hơn ngàn người đều là nghĩa dũng hai xứ Thanh - Nghệ⁴. Uy tín và tài đức đã giúp ông quy tập về dưới trướng nhiều tướng giỏi, xuất thân đa dạng, họ đã hết lòng cùng nhau mưu tính để xây dựng cơ nghiệp trên miền đất mới.

Để thuần hoá đất dữ Ô châu trong buổi ban đầu vô cùng gian nan, Nguyễn Hoàng đã sử dụng chính sách "võ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng..."⁵. Chính quyền được xây dựng theo kiểu thể chế quân sự của ông có kỷ luật rất nghiêm minh, chưa từng xâm hại đến lợi ích dân chúng. Đường lối chính sự khoan hòa, rộng rãi đó đã khiến các tầng lớp dân chúng đều tin yêu, khâm phục và thường gọi (ông) là chúa Tiên. Đạt được "nhân hòa" thì mọi chuyện trở nên thuận lợi. Nguyễn Hoàng đã lần lượt dẹp yên các cuộc chống đối trong xứ và đánh tan các lần tấn công xâm nhập của các thế lực thù địch. Nội bộ thống nhất, bên ngoài yên tĩnh, Thuận Hoá mới sau hơn 10 năm kể từ ngày có Tiên chúa thì "nhân dân đều an cư lạc nghiệp. Chợ không bán hai giá, không có trộm cướp, thuyền buôn các nước đến nhiều. Trấn trở nên một nơi đô hội lớn"⁶.

Từ năm 1570, Nguyễn Hoàng kiêm quản thêm đất Quảng Nam, với chiếc ấn Tổng trấn nhị trấn Thuận - Quảng, uy tín, quyền lực của ông càng tăng lên gấp bội.

Từ đây, ý đồ lãnh nạn ở đất Thuận Hoá ban đầu của Nguyễn Hoàng đã chuyển thành mưu đồ cát cứ cả miền Thuận Quảng phương Nam. Ông càng chăm lo xây dựng phát triển đất Thuận Quảng để thực hiện giấc mộng bá vương. Lực lượng quân đội được củng cố, quân lệnh thêm nghiêm minh; kinh tế Thuận Quảng ngày càng phồn thịnh nhờ các chính sách khoan hòa rộng mở, đặc biệt là các chính sách phát triển ngoại thương; đời sống văn hoá, tư tưởng trong xứ cũng rất ổn định nhờ chính sách hòa nhập văn hoá và phát triển đạo Phật⁷. Mặt khác, công cuộc Nam tiến để mở rộng bờ cõi lại được đẩy mạnh, đến năm 1611, bằng một cuộc tấn công quân sự, đất Quảng Nam đã bao gồm toàn bộ phần đất tỉnh Phú Yên ngày nay.

Với hơn nửa thế kỷ cai trị đất Thuận Quảng (1558 - 1613), Nguyễn Hoàng đã đạt được những thành công rực rỡ. Rõ ràng là: "Đất Thuận Quảng đã mang lại cho Nguyễn Hoàng một thế đứng chính trị, một chỗ dựa xã hội vững chắc, một khả năng kinh tế dồi dào và những võ công oanh liệt. Đó là những điều kiện đủ để "xây dựng cơ nghiệp muôn đời"⁸.

Kế thừa di sản chính trị cùng những tâm nguyện của cha, Nguyễn Phúc Nguyên, người trước đó đã có quá trình hơn 10 năm thực tập chính trị xuất sắc trên cương vị Trấn thủ dinh Quảng Nam đã quyết tâm biến ý đồ trên thành hiện thực. Những cải cách mạnh mẽ của ông như sửa sang thành lũy, đặt quan ải, bãi bỏ hệ thống quan chức cũ theo thể chế nhà Lê và thực hiện cải tổ chính quyền các cấp, khuyến khích phát triển ngoại thương, vó

về quân dân... đã đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng Thuận Quảng. Thế đất Thuận Quảng ngày càng mạnh, kinh tế phồn thịnh, xã hội bình ổn⁹.

Thế nhưng mâu thuẫn giữa hai họ Trịnh - Nguyễn lại càng trở nên gay gắt theo thời gian. Năm 1627, đại chiến lần thứ nhất giữa hai bên bùng nổ, rồi cuộc chiến tranh ấy kéo dài đến năm 1672 mới kết thúc. Cuộc chiến tranh giữa hai dòng họ, hai tập đoàn phong kiến này đã gây ra những hậu quả vô cùng to lớn. Chiến tranh đã làm hàng vạn người chết và bị thương, vắt kiệt sức người sức của đông đảo nhân dân, lôi kéo cả nước vào chiến tranh, tàn phá rất nhiều đồng ruộng xóm làng, làm phân chia đất nước thành hai miền Nam Bắc trong hàng thế kỷ.

Nhưng cuộc chiến tranh trên cũng có những hệ quả tích cực của nó, mà tiêu biểu nhất là sự ra đời của Đàng Trong, một miền đất mới mang dáng dấp của một vương quốc độc lập với một lãnh thổ rộng lớn, một nền văn hoá phong phú và đầy mới lạ.

Lãnh thổ Đàng Trong vốn được hình thành trên cơ sở vùng đất Thuận - Quảng, đã lớn lên rất nhanh theo đà Nam tiến mạnh mẽ dưới thời các chúa Nguyễn. Nhìn chung, đến cuối thế kỷ XVII, những chàng trai Việt muốn thể hiện bản lĩnh của mình thì đã có thể dọc ngang khắp miền Nam, từ chốn kinh đô (Phú Xuân) đến miền biên thuỳ (lúc đó là đất Đồng Nai):

Làm trai cho đáng nên trai

Phú Xuân đã trải Đồng Nai cũng từng.

(Ca dao)

Như vậy, từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hoá đến các thế hệ con cháu của ông, do nhu cầu tồn tại đồng thời do bị thúc đẩy bởi các động cơ về chính trị và kinh tế, quá trình Nam tiến nhằm mở rộng lãnh thổ đất nước đã diễn ra mạnh mẽ gấp bội phần so với các thế kỷ trước. Hệ quả là chỉ 200 năm, nước ta đã có lãnh thổ hoàn chỉnh cơ bản như hiện nay.

Trên một góc độ nào đó có thể cho rằng, Đàng Trong đã hình thành và phát triển như một vương quốc độc lập, tạo nên hình ảnh một nước Việt Nam khác ở phía nam với những bản sắc văn hoá mới, phong phú và đa dạng. Chính sự đối đầu với Đàng Ngoài của vua Lê - chúa Trịnh đã làm Đàng Trong của chúa Nguyễn phát triển nhanh chóng, mà đầu não của sự phát triển ấy là các thủ phủ với trung tâm là Phú Xuân - Huế.

Huế chính thức trở thành trung tâm của Đàng Trong từ năm 1636, qua hơn một 100 năm xây dựng, bồi tụ, đến thời kỳ Đô thành Phú Xuân (1738 - 1775), trung tâm này đã là một đô thị thuộc hàng lớn nhất của Đàng Trong, được quy hoạch chu đáo với các ý tưởng sâu sắc. Nhưng đặc biệt là sự kết hợp mô hình *đô + thị* đã đạt đến trình độ rất cao. Có thể nói trong bối cảnh ấy, mô hình kết hợp giữa *Phú Xuân - Thanh Hà - Hội An* đã tạo nên một quan hệ kinh tế - chính trị đặc biệt, hình thành một mô hình đô thị lý tưởng của Việt Nam thời tiền tư bản. Về mặt văn hoá “200 năm đủ cho Huế là nơi *kết tinh và hội tụ nhân tài* và văn hoá miền Trung - Nam để tạo nên một VÙNG VĂN HOÁ và một sắc thái mới của văn hoá Việt Nam: *Vùng văn hoá Huế, sắc thái Phú Xuân của văn hoá Việt Nam cận hiện đại*”¹⁰.

Trong sự hình thành và phát triển của Đàng Trong, vùng đất Huế có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đây không chỉ là cơ sở đầu tiên, là trạm trung chuyển của lớp lớp người Việt trên con đường Nam tiến mà còn luôn luôn đóng vai trò là đầu não chính trị, quân sự và là một trung tâm kinh tế, văn hoá của toàn xứ¹¹.

Với vị thế là kinh đô của Đàng Trong, thời kỳ này Huế cũng đóng vai trò là trung tâm trong việc kế thừa, chuyển tải và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc trên miền đất mới, đồng thời lại có tác động quyết định trong việc tiếp thu các yếu tố văn hoá bản địa và văn hoá ngoại lai để định hình nên một sắc thái văn hoá Đàng Trong phong phú, sinh động và hết sức đa dạng. Văn hoá Việt Nam đã phát triển và được làm giàu lên rất nhiều chính qua quá trình này¹².

Chính vì vậy, Huế cũng là tâm điểm của các vấn đề chính trị, quân sự, xã hội, tôn giáo của Đàng Trong trong gần 3 thế kỷ (XVI - XVIII).

3. Với vị thế kinh đô

Sau hơn 10 năm rơi vào tay chính quyền Lê - Trịnh (1775 - 1786), Phú Xuân - Huế lại trở thành đầu não của quân đội Tây Sơn, rồi trở thành kinh đô của triều đại này trong 15 năm tiếp theo (1786 - 1801). Mặc dù dưới thời Tây Sơn, kinh đô Huế hầu như ít được quy hoạch và xây dựng thêm¹³, nhưng vị thế của đô thị này đã được nâng lên một bậc, là kinh đô của nước Đại Việt cơ bản thống nhất từ Bắc chí Nam. Đây cũng là thời kỳ Phú Xuân - Huế gắn liền với những chiến công hiển hách trong đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc. Cuối năm 1888, tại núi Bàn, Nguyễn Văn Huệ lên ngôi, lấy niên hiệu là Quang Trung, rồi kéo quân ra Bắc, đánh tan 29 vạn quân xâm lược Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và cơ bản tái lập sự thống nhất cho đất nước sau gần 200 năm chia cắt. Phú Xuân - Huế cũng là nơi gắn liền với các di tích của vương triều Tây Sơn như đàn Nam Giao, lăng mộ Hoàng đế Quang Trung...

Tuy nhiên, triều Tây Sơn sớm sụp đổ sau khi vua Quang Trung đột ngột băng hà năm 1792. Năm 1802, sau những nỗ lực bền bỉ, Nguyễn Phúc Ánh đã tái dựng lại được cơ nghiệp của họ Nguyễn, thống nhất toàn vẹn đất nước. Huế được chọn làm kinh đô của một đất nước thống nhất với lãnh thổ rộng lớn hơn bao giờ hết.

Trong 143 năm giữ vị thế kinh đô của nước Việt Nam (từ năm 1838 là Đại Nam) mà đặc biệt là trong giai đoạn còn giữ được độc lập (1802 - 1885), Huế gắn liền với vương triều Nguyễn đã có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển đất nước về nhiều mặt: hoàn thiện việc thống nhất bờ cõi quốc gia, bao gồm cả đất liền, biển đảo; xây dựng bộ máy chính quyền thống nhất từ Trung ương đến cơ sở; phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi; thống nhất về văn hoá trong toàn quốc và để lại những di sản văn hoá đồ sộ¹⁴.

Điều đáng chú ý là họ Nguyễn, từ chúa Nguyễn Phúc Khoát đến các đời vua Gia Long, Minh Mạng đều khẳng định rằng, họ là người kế tục truyền thống văn hoá Việt xuất phát trên đất Bắc nhưng tạo dựng cơ nghiệp ở phương Nam (cụ thể là đất Thuận Hoá)¹⁵. Chính vì vậy, họ Nguyễn đã chọn Huế để xây dựng cơ nghiệp muôn đời: "Kinh sư là nơi miền núi, miền biển đều họp về, đứng giữa miền Nam, miền Bắc, đất đai cao ráo, non sông phẳng lặng; đường thủy thì có cửa Thuận An, cửa Tư Hiền sâu hiểm; đường bộ thì có Hoành Sơn, ải Hải Vân chặn ngăn; sông lớn giăng phía trước; núi cao giữ phía sau, rồng cuốn hổ ngồi, hình thế vững chãi, ấy là do trời đất xếp đặt, thật là thượng đô của nhà vua"¹⁶.

Có thể nói, cùng với quá trình Huế trở thành trung tâm của Đàng Trong, rồi kinh đô của đất nước thống nhất, nước Đại Việt đã chuyển hoá thành một nước Đại Nam đa nguyên hơn về văn hoá và gần gũi hơn với Đông Nam Á.

Tuy nhiên, Huế đã mất dần vị thế khi thực dân Pháp xâm lược nước ta. Nam Kỳ, Bắc Kỳ lần lượt rơi vào tay người Pháp; đất nước bị chia cắt; nền độc lập dân tộc cũng mất hẳn sau cuộc phản kháng cuối cùng của triều Nguyễn vào năm 1885. Vị thế kinh đô đất nước chỉ còn trên danh nghĩa. Chỉ với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 vĩ đại, dân tộc ta mới giành lại được nền độc lập. Huế thực sự chấm dứt vai trò kinh đô của chế độ quân chủ cuối cùng.

4. Trao chuyển và kết nối

Từ ngày 2/9/1945, Huế chính thức trở thành cố đô. Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Kinh đô ngàn năm Thăng Long - Hà Nội không chỉ được tiếp tục mạch phát triển mà còn thực sự được nâng lên một tầm vóc mới. Huế vẫn giữ một vị thế quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, là một trung tâm văn hoá, giáo dục của cả nước tại miền Trung, là cầu nối về văn hoá giữa hai miền Nam Bắc và giữa Việt Nam với thế giới. Dù trải qua hai cuộc chiến tranh với nhiều tổn thất nghiêm trọng, di sản văn hoá cố đô Huế vẫn được xem là đại diện tiêu biểu cho văn hoá Việt Nam, được Tổ chức Khoa học, Văn hoá và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) 2 lần tôn vinh là Di sản Văn hoá Thế giới. Đánh giá về phương diện này, GS Phan Huy Lê đã viết:

“Cố đô Huế là nơi hội tụ và kết tinh các giá trị văn hoá dân tộc trong một thời kỳ lịch sử khi mà kinh đô này lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc trở thành trung tâm chính trị, văn hoá của một quốc gia với lãnh thổ xác lập của lãnh thổ Việt Nam hiện đại trải dài từ Bắc chí Nam, từ đất liền đến hải đảo. Quần thể Di tích Cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá Thế giới ngày 11/12/1993 và ngày 7/11/2003 Nhã nhạc Cung đình lại được công nhận là Kiệt tác Văn hoá Phi vật thể và Truyền khẩu của nhân loại.

Trong các đô thị hình thành và phát đạt trong thời kỳ này, Hội An là cảng thị tiêu biểu nhất và Khu di tích Phố cổ Hội An cũng đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới ngày 4/12/1999.

Chưa có một thời kỳ lịch sử nào để lại cho dân tộc ba di sản văn hoá được thế giới công nhận và tôn vinh với những giá trị mang ý nghĩa toàn cầu như vậy¹⁷.

Điều đặc biệt là tiếp theo Huế, di sản Hoàng thành Thăng Long cũng đã được UNESCO tôn vinh là Di sản Văn hoá Thế giới vào ngày 31/7/2010. Như vậy, một phần thành tựu quan trọng của người Việt Nam trong suốt chặng đường 1.000 năm dựng nước và giữ nước kết tinh ở hai kinh đô Thăng Long - Hà Nội và Phú Xuân - Huế đã được cả thế giới thừa nhận và tôn vinh.

5. Thay lời kết

“Hà Nội - Huế - Sài Gòn, là cây một cội là con một nhà” (Hồ Chí Minh). Đó không chỉ là một khẩu hiệu chính trị mà là một thực tế lịch sử. Từ cái nôi đồng bằng Bắc Bộ và Thanh Nghệ, trong suốt 1.000 năm qua văn minh Việt đã không ngừng được chuyển tải mạnh mẽ về phương Nam thông qua trung tâm Phú Xuân - Huế để rồi sau đó hình thành một trung tâm khác ở Nam Bộ, đó là Sài Gòn - Gia Định. Bởi vậy, trong nghìn năm phát triển của Thăng Long - Hà Nội và của đất nước, Huế đã đóng góp một phần rất quan trọng. Đánh giá đúng điều này sẽ giúp cho việc nhìn nhận lịch sử phát triển của dân tộc khách quan và công bằng hơn. Và thêm nữa, đây cũng là một việc làm có ý nghĩa khi chúng ta mong muốn xây dựng và phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội nghìn năm văn hiến.

CHÚ THÍCH

- ¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 3, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.90-91.
- ² Viện Sử học, *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1987, tr.269.
- ³ Li Tana, *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Bản dịch của Nguyễn Nghị, NXB Trẻ, TP. HCM, 1999. Trong công trình này, Li Tana còn đánh giá rất cao sự nghiệp của chúa Nguyễn gắn liền với sự ra đời và phát triển của Đàng Trong: “Việc hình thành Đàng Trong là sự biến đổi cơ bản và sâu sắc trong lịch sử Việt Nam. Mối nhìn, những sự kiện đó tưởng chỉ là một câu chuyện về sự hồi sinh và sự thành đạt cuối cùng của một dòng họ đã không thể gốc đầu lên được trong triều đình ở kinh đô Thăng Long; nhưng về bản chất, đây là một sự kiện đã dẫn đến một xã hội mới và một nền văn hoá mới” (tr.186).
- ⁴ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập I, Bản dịch Viện Sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.28.
- ⁵ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập I, sdd, tr.28.
- ⁶ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập I, sdd, tr.31.
- ⁷ Việc xây dựng chùa Thiên Mục trên đồi Hà Khê (1601), chùa Sùng Hoá ở huyện Phú Vang (1602), chùa Long Hưng ở Quảng Nam (1602), chùa Bảo Châu ở Trà Kiệu (1607) [153: 35-36] và hàng loạt chùa chiền khác đã thể hiện rõ chính sách trên của chúa Nguyễn.
- ⁸ Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận - Quảng thế kỷ XVII - XVIII*, NXB Thuận Hoá - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1996, tr.27.
- ⁹ Nguyễn Quang Ngọc cho rằng, Nguyễn Phúc Nguyên là “Vị chúa của những kỳ công mở cõi đầu thế kỷ XVII”. Đóng góp của vị chúa này thể hiện trên 4 phương diện: 1) Xây dựng một vương triều độc lập, thoát ly hẳn sự lệ thuộc với triều đình vua Lê - chúa Trịnh; 2) Mở rộng quan hệ giao thương với nước ngoài, thúc đẩy kinh tế hàng hoá trong nước, xây dựng Hội An thành thương cảng quốc tế phồn thịnh; 3) Vượt qua Thạch Bi Sơn, gây dựng những cơ sở đầu tiên trên đất Nam Bộ, người khởi dựng hình hài của nước Việt Nam hiện đại; 4) Tổ chức đội Hoàng Sa - hình thức độc đáo, duy nhất khai chiếm, xác lập và thực thi chủ quyền trên các vùng quần đảo giữa Biển Đông. Xem “Nguyễn Phúc Nguyên, Vị chúa của những kỳ công mở cõi đầu thế kỷ XVII”, in trong kỷ yếu Hội thảo khoa học *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*. NXB Thế giới, 2008, tr. 137-147.
- ¹⁰ Trần Quốc Vương, “Bản sắc văn hoá dân tộc qua sắc thái Huế”, in trong *Việt Nam cái nhìn địa văn hoá*, NXB Văn hoá dân tộc - tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật* xuất bản, Hà Nội, 1998, tr. 389.
- ¹¹ Trong hơn 200 năm lập nghiệp và xây dựng cơ đồ ở Đàng Trong (1558 - 1775), để tìm một vị trí đắc địa, chúa Nguyễn đã 8 lần thay đổi dời dựng vị trí thủ phủ. Thời Nguyễn Hoàng, thủ phủ đã 3 lần thay đổi vị trí, từ Ái Tử (1558 - 1570), Trà Bát (1570 - 1600) đến Dinh Cát (1600 - 1626), nhưng đều nằm trên đất Quảng Trị và gắn liền với hệ thống sông Thạch Hãn - Ái Tử. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên chuyển thủ phủ đến Phước Yên (1626 - 1636) bên cạnh dòng sông Bồ. Mười năm sau, chúa Nguyễn Phúc Lan chuyển thủ phủ vào Kim Long (1636 - 1687) bên dòng sông Hương. Rồi chúa Nguyễn Phúc Thái dời về Phú Xuân (1687 - 1712). Chúa Nguyễn Phúc Chu lại chuyển thủ phủ quay ra Bắc Vọng (1712 - 1738). Cuối cùng, chúa Nguyễn Phúc Khoát chuyển thủ phủ về lại đất Phú Xuân và nâng cấp thành Đô thành (1738 - 1775). Tuy chuyển thủ phủ đến 8 lần, nhưng trừ thời gian trên đất Quảng Trị, các thủ phủ về sau đều gắn bó với hệ sông Hương.
- ¹² Ở Đàng Trong, Champa vốn là một quốc gia Ấn Độ giáo nhưng Phật giáo cũng có những vai trò khá quan trọng. Phật giáo Đại Thừa của Trung Hoa không hề xa lạ với vùng đất này bởi mối quan hệ giao lưu buôn bán lâu đời giữa hai bên. Tuy nhiên, chỉ khi chúa Nguyễn sử dụng Phật giáo Đại Thừa làm công cụ về tư tưởng để dung hòa và cố kết mối quan hệ giữa các tầng lớp xã hội thì tôn giáo này mới thực sự “hoàng dương chánh pháp” tại Đàng Trong. Điều đáng nói là, tại đây Phật giáo Đại Thừa lại tỏ ra rất thích hợp với một xã hội đậm chất Đông Nam Á dù nó có nguồn gốc từ phía Bắc. Trong thời kỳ xây dựng các thủ phủ, nhất là từ thời kỳ Kim Long - Phú Xuân, cùng với cuộc chiến khốc liệt với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài để bảo

vệ cơ đồ của mình, các chúa Nguyễn đều rất chú ý xây dựng một bản sắc văn hoá riêng cho xứ sở. Trên nền tảng các giá trị văn hoá truyền thống, chúa Nguyễn cho phép, thậm chí khuyến khích tiếp nhận các yếu tố văn hoá mới. Đạo Kitô được tự do truyền bá (thời gian chưa xảy ra xích mích với người Hà Lan); các yếu tố văn hoá Trung Hoa do người Minh Hương đem tới được tiếp nhận thoải mái, những yếu tố văn hoá bản địa của người Chăm, nếu phù hợp đều được tiếp thu, đặc biệt là tín ngưỡng thờ Nữ thần Thiên Y A Na.

- ¹³ Trong thời kỳ này, triều Tây Sơn vẫn cơ bản sử dụng các công trình kiến trúc có từ thời Đô thành Phú Xuân của chúa Nguyễn Phúc Khoát, chỉ bổ sung thêm một số công trình để tăng cường tính chất phòng thủ. Xem thêm: Phan Thanh Hải, “Từ đô thành Phú Xuân thời chúa Nguyễn đến kinh đô Phú Xuân thời Tây Sơn - diện mạo và những điểm khác biệt”, in trong *Tây Sơn - Thuận Hoá và anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ Quang Trung*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
- ¹⁴ Tổng kết những thành tựu nghiên cứu về triều Nguyễn, Phan Huy Lê đã viết: “Vương triều Nguyễn trong thời gian tồn tại độc lập từ khi thành lập cho đến khi bị thất bại trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đã có nhiều cống hiến tích cực trên nhiều phương diện... Các công trình nghiên cứu gần đây đều đánh giá cao công lao thống nhất đất nước của triều Nguyễn và hệ thống tổ chức chính quyền với quy chế hoạt động có hiệu lực của nhà Nguyễn. Các nhà nghiên cứu cũng ghi nhận một số thành tựu khai hoang, thủy lợi, phát triển nông nghiệp thời Nguyễn, nhất là vùng đồng bằng Nam Bộ và vùng đồng bằng ven biển Bắc Bộ. Hệ thống giao thông thủy bộ phát triển mạnh...”. Xem *Báo cáo đề dẫn* tại Hội thảo khoa học *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, NXB Thế giới, 2008, tr. 19-20.
- ¹⁵ Điều này thể hiện trong *Chiếu lên ngôi vương* của chúa Nguyễn Phúc Khoát năm 1744 và *Chiếu đăng quang* của Hoàng đế Gia Long (1802). Xem *Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục* (tập 1), NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- ¹⁶ *Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí* (tập 1), bản dịch của Viện Sử học, NXB Thuận Hoá, 1992, tr.13.
- ¹⁷ Phan Huy Lê, *Báo cáo đề dẫn* tại Hội thảo khoa học *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, sđd, tr.22.